

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-ST

Ngày: 28 - 12 - 2021

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV

Địa chỉ: TQK, quận HK, thành phố HN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Thanh D- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh KG

Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Trung Đ- Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, Phòng HTHĐ trực thuộc Ngân hàng TMCP BDLV chi nhánh KG (Theo giấy uỷ quyền số 1162/2021/QĐ-, ngày 27/12/2021 có mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị N (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NH, xã VT, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trung Đ trình bày:

Ngân hàng TMCP BĐLV có ký kết hợp đồng cho vay vốn đối với bà Võ Thị N theo hợp đồng số 09/110516/04/870, ngày 11/5/2016, bà N vay số tiền 160.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất thỏa thuận là 12,50%/năm; mục đích vay tiêu dùng; phương thức trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.600.000 đồng, kỳ cuối trả 3.060.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2020, Ngân hàng TMCP BĐLV yêu cầu bà N phải trả số tiền gốc 43.327.240 đồng; lãi quá hạn đến ngày 25/8/2020 là 4.049.302 đồng; lãi phạt gốc, phạt lãi là 1.775.201 đồng. Tổng cộng là 49.151.743 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Đông đại diện ngân hàng TMCP BĐLV cho rằng trong quá trình thu nợ và khởi kiện do cán bộ thu nợ tính nhầm nên nay Ngân hàng rút lại một nợ gốc là 12.918.967 đồng và lãi chậm trả là 1.608.235 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP BĐLV yêu cầu bà Võ Thị N phải trả nợ gốc còn lại là 30.408.273 đồng; tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 27/12/2021 là 12.677.951 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 43.086.224 đồng (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng*).

Bị đơn bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc và chậm trả, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N trả nợ gốc còn lại là 30.408.273 đồng; tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 12.677.951 đồng. Tổng cộng là 43.086.224 đồng (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng*), theo hợp đồng tín dụng số 09/110516/04/870 ngày 11/5/2016 là phù hợp theo quy định. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai theo quy định Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng TMCP BĐLV khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị N thanh toán số tiền gốc và lãi vay theo hợp đồng số 09/110516/04/870 ngày 11/5/2016. Hội đồng xét xử xác định đây chính là quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP BĐLV và bà Võ Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa công nhận hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Võ Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến ngày 27/12/2021 bà N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền nợ gốc là 30.408.273 đồng (*Ba mươi triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng*); tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 12.677.951 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*). Tổng cộng là 43.086.224 đồng (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng*). Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút

một phần yêu cầu khởi kiện nợ gốc và lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu rút này của nguyên đơn.

Từ những nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Võ Thị N phải trả số tiền nợ gốc 30.408.273 đồng (*Ba mươi triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng*); tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 27/12/2021 là 12.677.951 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*). Tổng cộng gốc và lãi là 43.086.224 đồng (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng*).

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Võ Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 43.086.224 đồng x 5% = 2.154.311 đồng (*Hai triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm mười một đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do Ngân hàng TMCP BDLV chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Võ Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền gốc 30.408.273 đồng (*Ba mươi triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng*); tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 12.677.951 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*). Tổng cộng gốc và lãi là 43.086.224 đồng (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện một phần nợ gốc và lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 27/12/2021, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí:

Bà Võ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.154.311 đồng (*Hai triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm mười một đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.228.000 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng*, do ông Dương Bình Yên nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005844 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang).

Về chi phí tố tụng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do Ngân hàng TMCP BĐLV chịu và đã nộp xong.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

